TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Âu Văn T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng

Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HN&GĐ, ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn L, xã Đ, S, T (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Âu Văn T1, sinh năm 1986. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn L, xã Đ, S, T (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Nguyễn Thị T) và anh Âu Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về nhà chồng tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương sinh sống với mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2020

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của vợ chồng không hoà hợp, mỗi người có một cách sống khác nhau, chồng chị thường xuyên chửi bới, đánh đập, uống rượu, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chồng chị luôn gây áp lực cho chị về tinh thần, lúc nào cũng bị ức chế. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 06/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh Âu Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 người con chung là cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2023 chị (Nguyễn Thị T) thay đổi yêu cầu khởi kiện, nhất trí giao cả ba con chung cho anh Âu Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2023, bị đơn anh Âu Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Âu Văn T1) và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2013. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T đi làm ăn xa và không về nhà. Anh và gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị T không thay đổi, chị T bỏ nhà đi từ tháng 6/2022 đến nay không quay về ở cùng bố con anh nữa. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí, vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 người con chung là cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng anh, kể từ khi chị T bỏ đi cũng không gửi tiền về cùng anh nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cả ba cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Âu Văn T1 là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Về quan hệ hôn nhân thì anh T1 và chị T có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay vợ chồng anh chị T, T1 đã ly thân; địa phương cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Về con chung anh T1 và chị T có ba con chung là cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016; hiện cả ba cháu đang ở với anh T1 và bà nội. Về tài sản, vay nợ chung về cơ bản không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa không có lý do, đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Âu Văn T1; giao cả ba cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016 cho anh Âu Văn T1 trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T được quyền đi lại thăm con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận; chị T phải chịu án phí theo quy định, anh T1 không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Âu Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và từ năm 6/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng; bản thân anh T1 không nhất trí ly hôn, có nguyện vọng để vợ chồng đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hòa giải do Tòa án tiến hành nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị T T1 đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Âu Văn T1 ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T1 và chị T có ba con chung là cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016. Kể từ khi anh chị ly thân cả ba cháu đều ở với anh T1, cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo; nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với anh T1 nếu anh chị ly hôn; hơn nữa các bên đương sự đều nhất trí giao cả ba cháu cho anh Âu Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của anh T1 và chị T; về cấp dưỡng do anh T1 không yêu cầu, chị T cho rằng hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T ly hôn bị đơn anh Âu Văn T1.

2. Về con chung: Giao các cháu Âu Thị Quỳnh, sinh ngày 29/5/2012; Âu Thị Quỳnh T, sinh ngày 04/3/2014 và Âu Trung Ngọc, sinh ngày 23/6/2016 cho anh Âu Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đương sự tự thỏa thuận.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002633, ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Âu Văn T1 không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng **Nguyễn Văn Quang** **Bàn Văn Thế**